

Nguyễn
Duy Hà

Digitally signed by Nguyễn Duy Hà
DN: C=VN, S=THANH HÓA, L=Tp. Thanh
Hóa, O=CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI
- THANH HÓA, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA HÀ NỘI - THANH HÓA, T=Trưởng ban
kiểm soát, CN=Nguyễn Duy Hà,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CCCD:
038067031354
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-03-07 17:46:05
Foxit PhantomPDF Version: 9.7.1

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội Dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	06 – 38
<i>Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>06 – 09</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2024</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2024</i>	<i>11 – 12</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng năm 2024</i>	<i>13 – 38</i>

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa tên cũ là Công ty CP Bia Thanh Hóa được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800791192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/3/2004. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 10 ngày 27/11/2018.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia.

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : 152 Quang Trung, P.Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.
Điện thoại : (02373).858.622
Email : thb@biathanhhhoa.com.vn
Mã số thuế : 2800791192

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Trường Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Kiên Cường	Phó Chủ tịch
Ông Lương Xuân Dũng	Thành viên
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Trường Giang	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Duy Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Thế	Thành viên
Ông Trần Đức Giang	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Kiên Cường	Giám đốc	
Ông Đỗ Trường Giang	Phó Giám đốc	
Ông Phùng Văn Quỳnh	Phó Giám đốc	Từ ngày 01/08/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Giám đốc


Giám đốc
CỔ PHẦN
BIA
HÀ NỘI - THANH HÓA
Nguyễn Kiên Cường

Số: 0207.01.05/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa, được lập ngày 04 tháng 03 năm 2025 từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 12 tháng 03 năm 2024 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Tân

GCNĐKHNKT số: 5348-2025-124-1

Kiểm toán viên

Lê Mỹ Trang

GCNĐKHNKT số: 3764-2021-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		153.283.625.956	156.901.151.532
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.600.836.498	44.606.029.566
1. Tiền	111		18.600.836.498	14.606.029.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.000.000.000	4.100.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	37.000.000.000	4.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.514.849.975	59.112.876.458
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	23.221.684.404	33.649.032.284
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.354.716.074	4.230.821.513
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	18.935.903.216	23.230.476.380
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.997.453.719)	(1.997.453.719)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		50.444.694.612	49.082.245.508
1. Hàng tồn kho	141	V.6	50.444.694.612	49.082.245.508
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		723.244.871	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	723.244.871	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.601.676.220	79.306.489.012
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		40.309.470.065	46.935.922.065
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	36.426.939.066	43.183.391.065
- Nguyên giá	222		558.366.586.628	556.142.458.627
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(521.939.647.562)	(512.959.067.562)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	3.882.530.999	3.752.531.000
- Nguyên giá	228		7.262.859.922	7.067.859.922
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.380.328.923)	(3.315.328.922)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.348.784.248	466.285.454
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.348.784.248	466.285.454
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.489.225.000	17.489.225.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	17.489.225.000	17.489.225.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.454.196.907	14.415.056.493
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	9.454.196.907	14.415.056.493
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		221.885.302.176	236.207.640.544

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		70.767.567.011	83.570.431.283
I. Nợ ngắn hạn	310		61.580.864.285	72.518.585.557
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.556.464.212	6.674.276.401
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.593.188.054	142.180.097
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	14.145.225.827	24.272.839.901
4. Phải trả người lao động	314		8.842.808.009	8.992.515.304
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		205.000.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	29.476.594.990	28.719.246.411
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.761.583.193	3.717.527.443
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.186.702.726	11.051.845.726
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11	312.904.575	312.904.575
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	8.873.798.151	10.738.941.151
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

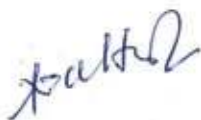
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.117.735.165	152.637.209.261
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	150.727.735.165	152.247.209.261
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.245.700.000	114.245.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		114.245.700.000	114.245.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411		-	-
	a			
	b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.078.650.000	4.078.650.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.539.421.351	27.539.421.351
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.863.963.814	6.383.437.910
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		1.332.527.020	27.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		3.531.436.794	6.356.437.910
	a			
	b			
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		390.000.000	390.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		390.000.000	390.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		221.885.302.176	236.207.640.544

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng







Đoàn Thị Như Hoa

Phùng Sỹ Hữu

Nguyễn Kiên Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	341.786.889.128	320.016.699.185
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	13.455.649.721	10.338.619.020
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		328.331.239.407	309.678.080.165
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	261.674.316.322	259.141.598.479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.656.923.085	50.536.481.686
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.276.053.421	4.583.519.802
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	22.630.137	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.630.137	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	35.683.228.851	25.272.952.498
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.686.377.057	22.486.084.925
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.540.740.461	7.360.964.065
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.450.919.518	1.838.393.862
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.159.764.064	1.742.966.152
13. Lợi nhuận khác	40		(708.844.546)	95.427.710
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.831.895.915	7.456.391.775
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.300.459.121	1.099.953.865
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.531.436.794	6.356.437.910

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Như Hoa

Phùng Sỹ Hữu



Đoàn Thị Như Hoa

Phùng Sỹ Hữu

Nguyễn Kiên Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			4.831.895.915	7.456.391.775
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.045.580.001	9.878.396.149
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.276.053.421)	(4.583.519.802)
- Chi phí lãi vay	06		22.630.137	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.624.052.632	12.751.268.122
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.276.900.655	27.846.952.532
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.362.449.104)	(4.966.654.396)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.258.552.320)	(14.929.969.725)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.960.859.586	131.069.475
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.630.137)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.943.994.558)	(402.194.994)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.008.255.640)	(2.709.789.974)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.265.931.114	17.720.681.040
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.301.626.795)	(10.461.539.013)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(86.000.000.000)	(37.874.944.469)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		53.100.000.000	43.774.944.469
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.873.934.378	7.401.349.004
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(32.327.692.417)	2.839.809.991

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.943.431.765)	(6.895.804.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.943.431.765)	(6.895.804.135)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(21.005.193.068)	13.664.686.896
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		44.606.029.566	30.941.342.670
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	23.600.836.498	44.606.029.566

Người lập biểu



Đoàn Thị Như Hoa

Kế toán trưởng



Phùng Sỹ Hữu

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2025



Nguyễn Kiên Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa tên cũ là Công ty CP Bia Thanh Hóa được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800791192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/3/2004. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 10 ngày 27/11/2018.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Nhân viên: Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 333 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 360 nhân viên).

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con:

Tên	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	Kinh doanh các sản phẩm bia	15.000.000.000	100%	100%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chi định khách hàng thanh toán;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, và thu tiền.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường, giá trị có thể thu hồi của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có. Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Doanh nghiệp đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

c) Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.196.595.718	747.396.262
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.404.240.780	13.858.633.304
Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng	5.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	23.600.836.498	44.606.029.566

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BẢO CẢO TẠI CHÍNH RIÊNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng sau:				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sầm Sơn	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Hóa	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Thanh Hóa	-	-	4.100.000.000	4.100.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
b. Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH MTV TM Habeco Miền Trung	100%	100%	100%	100%
(*)				

(*) Công ty TNHH MTV TM Habeco Miền Trung (tên cũ là Công ty Cổ phần TM Bia Hà Nội - Thanh Hóa) được thành lập theo Quyết định số 539/QĐ-HĐQT ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa. Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 2801023570 đăng ký lần đầu ngày 21/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/12/2019 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bia, rượu, nước uống không cồn và các sản phẩm công nghiệp dịch vụ khác.

Các giao dịch phát sinh chủ yếu trong năm với Công ty con (xem thuyết minh VI.1, VII.1)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	4.228.111.838	18.412.201.428
Công ty TNHH MTV TM Habeco Miền Trung	-	418.404.551
Công ty TNHH Thanh Dương	2.256.295.937	60.738.219
Công ty TNHH Dịch vụ Thanh Hoa	5.076.914.150	5.045.204.005
Công ty TNHH Thiên Thanh	2.607.429.125	3.750.726.296
Phải thu khách hàng khác	9.052.933.354	5.961.757.785
Cộng	23.221.684.404	33.649.032.284

Phải thu là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM Quốc Tế Khải Minh	305.466.630	1.311.464.348
Công ty TNHH TM tổng hợp Tân khoa	-	2.421.475.695
Công ty TNHH MTV Mayekawa Việt Nam	355.579.844	-
Công ty TNHH tư vấn và chuyển giao công nghệ môi trường Thăng long	172.290.000	-
Đối tượng khác	521.379.600	497.881.470
Cộng	1.354.716.074	4.230.821.513

Trả trước là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung (Giá trị vỏ chai kết)	13.861.787.400	16.540.443.533
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.444.846.709	2.483.785.202
Phải thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy Nghi Sơn	-	1.159.348.481
Phải thu tiền lãi tạm tính	598.454.796	157.397.260
Phải thu khác	3.030.814.311	2.889.501.904
Cộng	18.935.903.216	23.230.476.380

Phải thu khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.568.533.397	-	26.921.110.435	-
Công cụ, dụng cụ	1.222.096.432	-	725.413.807	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.745.388.618	-	11.519.371.323	-
Thành phẩm	5.908.676.165	-	9.916.349.943	-
Cộng	50.444.694.612	-	49.082.245.508	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ Quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	69.606.668.385	467.654.059.085	13.385.667.400	5.496.063.757	556.142.458.627
Số tăng trong năm	109.519.112	1.757.608.889	-	357.000.000	2.224.128.001
- Mua trong năm	-	1.757.608.889	-	357.000.000	2.114.608.889
- Xây dựng, lắp đặt trong năm	109.519.112	-	-	-	109.519.112
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	69.716.187.497	469.411.667.974	13.385.667.400	5.853.063.757	558.366.586.628
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	58.713.263.433	441.246.554.964	8.664.601.806	4.334.647.359	512.959.067.562
Số tăng trong năm	2.700.379.365	4.955.093.902	908.296.640	416.810.093	8.980.580.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	61.413.642.798	446.201.648.866	9.572.898.446	4.751.457.452	521.939.647.562
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.893.404.952	26.407.504.121	4.721.065.594	1.161.416.398	43.183.391.065
Số cuối năm	8.302.544.699	23.210.019.108	3.812.768.954	1.101.606.305	36.426.939.066

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết còn sử dụng: 441.992.179.707 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.752.531.000	3.315.328.922	7.067.859.922
Số tăng trong năm	-	195.000.000	195.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	3.752.531.000	3.510.328.922	7.262.859.922
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	3.315.328.922	3.315.328.922
Số tăng trong năm	-	65.000.001	65.000.001
Số giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	3.380.328.923	3.380.328.923
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.752.531.000	-	3.752.531.000
Số cuối năm	3.752.531.000	129.999.999	3.882.530.999

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng: 3.315.328.922 đồng

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy Bia xã Quảng Thịnh	329.785.454	329.785.454
Phần mềm bán hàng	-	136.500.000
Trạm nước bờ sông	1.018.998.794	-
Cộng	1.348.784.248	466.285.454

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ, vỏ chai keg xuất dùng	8.800.510.948	13.703.733.062
Sửa chữa lớn TSCĐ	653.685.959	711.323.431
Cộng	9.454.196.907	14.415.056.493

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**11. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả ngắn hạn				
Công ty TNHH TM & Vận Tải Thái Tân	1.005.298.688	1.005.298.688	1.548.957.111	1.548.957.111
Công ty TNHH Baosteel can making (Huế Việt Nam)	354.712.372	354.712.372	1.014.796.872	1.014.796.872
Chi nhánh Công ty TNHH asia packaging industries Việt nam tại Miền bắc	-	-	2.331.543.288	2.331.543.288
Phải trả các đối tượng khác	3.196.453.152	3.196.453.152	1.778.979.130	1.778.979.130
Cộng	4.556.464.212	4.556.464.212	6.674.276.401	6.674.276.401
b. Phải trả dài hạn				
Công ty TNHH SX và TM Phú Bình	83.095.329	83.095.329	83.095.329	83.095.329
Công ty TNHH Thương mại & KT Hải Âu	73.365.600	73.365.600	73.365.600	73.365.600
Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Việt Tùng	52.140.000	52.140.000	52.140.000	52.140.000
Lương Văn Thắng	42.250.000	42.250.000	42.250.000	42.250.000
Phải trả các đối tượng khác	62.053.646	62.053.646	62.053.646	62.053.646
Cộng	312.904.575	312.904.575	312.904.575	312.904.575

Phải trả là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.420.849.280	36.939.755.426	38.159.055.219	1.201.549.487
Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.080.786.996	233.193.127.971	241.954.366.386	12.319.548.581
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.201.833	1.201.833	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	768.431.025	1.794.154.142	1.943.994.558	618.590.609
Thuế thu nhập cá nhân	2.772.600	243.041.830	240.277.280	5.537.150
Thuế đất, tiền thuê đất	-	4.390.303.340	4.390.303.340	-
Thuế, các khoản nộp khác	-	131.865.870	131.865.870	-
Cộng	24.272.839.901	276.693.450.412	286.821.064.486	14.145.225.827
Thuế phải thu				
Thuế đất, tiền thuê đất	-	-	723.244.871	723.244.871
Cộng	-	-	723.244.871	723.244.871

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	78.384.951	78.384.191
Nhận ký quỹ, ký cược chai ket	27.978.039.800	27.316.755.800
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	695.347.310	640.179.575
Chi phí hỗ trợ và khuyến mại phải trả	445.996.801	384.608.988
Phải trả khác	278.826.128	299.317.857
Cộng	29.476.594.990	28.719.246.411
b. Phải trả khác dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	2.953.513.133	4.818.656.133
Lãi vay phải trả	5.229.341.358	5.229.341.358
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	4.502.356.991	4.502.356.991
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	726.984.367	726.984.367
Phải trả khác	690.943.660	690.943.660
Cộng	8.873.798.151	10.738.941.151

Phải trả khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp Thanh Hóa
BẢO CAO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	114.245.700.000	4.078.650.000	27.539.421.351	10.011.612.362	155.875.383.713
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	6.356.437.910	6.356.437.910
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.772.870.362)	(2.772.870.362)
Thường ban điều hành	-	-	-	(357.000.000)	(357.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(6.854.742.000)	(6.854.742.000)
Số dư cuối năm trước	114.245.700.000	4.078.650.000	27.539.421.351	6.383.437.910	152.247.209.261
Số dư đầu năm nay	114.245.700.000	4.078.650.000	27.539.421.351	6.383.437.910	152.247.209.261
Lợi nhuận trong năm này	-	-	-	3.531.436.794	3.531.436.794
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(752.311.390)	(752.311.390)
Thường ban điều hành	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.998.599.500)	(3.998.599.500)
Số dư cuối năm nay	114.245.700.000	4.078.650.000	27.539.421.351	4.863.963.814	150.727.735.165

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>%</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>%</u>
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	62.835.100.000	55	62.835.100.000	55
Vốn góp của các đối tượng khác	51.410.600.000	45	51.410.600.000	45
Cộng	114.245.700.000	100	114.245.700.000	100

c Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.424.570	11.424.570
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.424.570	11.424.570
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.424.570	11.424.570

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	1.195.310.556	1.195.310.556

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	338.087.555.457	316.428.248.725
Doanh thu dịch vụ, doanh thu khác	3.699.333.671	3.588.450.460
Cộng	341.786.889.128	320.016.699.185

b. Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	93.475.937.161	85.213.828.546
<i>Doanh thu chưa VAT</i>	170.504.164.150	154.804.444.570
<i>Thuế TTĐB</i>	77.028.226.989	69.590.616.024
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	1.388.160.000	173.227.565.554
<i>Doanh thu chưa VAT</i>	1.388.160.000	280.614.045.169
<i>Thuế TTĐB</i>	-	107.386.479.615
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	26.812.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	13.455.649.721	10.338.619.020
Cộng	13.455.649.721	10.338.619.020

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	261.674.316.322	259.141.598.479
Cộng	261.674.316.322	259.141.598.479

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.831.206.712	2.099.734.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.444.846.709	2.483.785.202
Cộng	3.276.053.421	4.583.519.802

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	22.630.137	-
Cộng	22.630.137	-

6. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công, bảo hiểm	6.973.157.359	2.869.518.666
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	6.445.862.102	7.364.676.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	536.162.855	117.790.717
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ	15.450.793.201	10.729.493.653
Chi phí khác	6.277.253.334	4.191.472.480
Cộng	35.683.228.851	25.272.952.498
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	11.322.544.695	10.746.750.561
Chi phí tiền thuê đất	4.305.926.471	1.863.643.011
Chi phí khác	13.057.905.891	9.875.691.353
Cộng	28.686.377.057	22.486.084.925

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.450.919.518	1.838.393.862
Cộng	2.450.919.518	1.838.393.862

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao, thuê đất nhà máy nghỉ ngơi	1.219.390.570	1.591.533.244
Các khoản truy thu, phạt chậm nộp thuế	566.872.303	151.432.908
Chi phí khác	1.373.501.191	-
Cộng	3.159.764.064	1.742.966.152

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN trong năm được dự tính như sau

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.831.895.915	7.456.391.775
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	1.670.399.689	(1.956.622.450)
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.115.246.398	2.048.576.952
+ <i>Lương HĐQT không tham gia điều hành</i>	<i>156.000.000</i>	<i>156.000.000</i>
+ <i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>2.959.246.398</i>	<i>1.892.576.952</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.444.846.709	4.005.199.402
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>1.444.846.709</i>	<i>2.483.785.202</i>
+ <i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>-</i>	<i>1.521.414.200</i>
Tổng lợi nhuận tính thuế	6.502.295.604	5.499.769.325
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN trong năm	1.300.459.121	1.099.953.865

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	215.850.121.322	222.219.425.322
Chi phí nhân công	44.173.259.309	37.739.193.638
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.045.580.001	9.878.396.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.414.704.024	19.243.779.179
Chi phí khác	34.019.746.901	23.383.567.938
Cộng	324.503.411.557	312.464.362.226

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Ngoài phát sinh doanh thu bán hàng (Thuyết minh VI.1 trang 31) Công ty còn phát sinh các nghiệp vụ khác với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	Công ty mẹ	Mua nguyên liệu	56.170.168.330	59.930.894.804
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	Công ty con	Chia cổ tức	2.199.228.500	3.770.106.000
		Phí nhãn hiệu bia	387.816.008	483.255.335
		Lợi nhuận được chia	1.444.846.709	2.483.785.202
Công ty CP Bao bì Bia Rượu Nước Giải Khát	Công ty cùng công ty mẹ	Phí tin nhắn cho đại lý	30.759.936	-
		Mua nắp chai	4.933.640.000	5.270.260.000
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty cùng hệ thống	Mua hộp bia	1.711.044.060	1.645.496.100
Công nợ với các bên liên quan như sau:				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cuối kỳ	Đầu năm
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	Công ty mẹ	Phải thu bán hàng	4.228.111.838	18.412.201.428
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	Công ty con	Phải trả phí bản quyền	(176.696.000)	(34.336.783)
		Phải thu bán hàng	-	418.404.551
Công ty CP Bao bì Bia Rượu Nước Giải	Công ty cùng công ty mẹ	Phải thu chai kết	13.861.787.400	16.540.443.533
		Phải thu cổ tức	1.444.846.709	2.483.785.202
		Phải trả mua nắp chai	-	(349.305.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan		Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cuối kỳ	Đầu năm
Khát					
Công ty CP Bao bì Habeco		Công ty cùng hệ thống	Phải trả mua hộp bia	(77.355.000)	-
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng trị		Công ty cùng công ty mẹ	Phải thu dịch vụ bóc xếp	6.682.500	-
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm như sau:					
Họ tên	Chức danh	Nội dung	Năm nay	Năm trước	
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc					
Ông Bùi Trường Thắng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	96.000.000	96.000.000	
Ông Lương Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000	
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000	
Ông Nguyễn Kiên Cường	Giám đốc, Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000	
		Lương thưởng	463.990.000	435.346.000	
Ông Lê Nguyễn Hùng	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	Lương thưởng	-	156.925.000	
Ông Đỗ Trường Giang	Phó Giám đốc	Thù lao	60.000.000	60.000.000	
		Lương thưởng	341.000.000	309.302.000	
Ông Phùng Văn Quỳnh	Phó Giám đốc	Lương thưởng	270.684.000	-	
Ban Kiểm soát					
Ông Nguyễn Duy Hà	Trưởng BKS	Lương thưởng	257.632.000	241.799.000	
Ông Nguyễn Minh Thế	Thành viên BKS	Thù lao	36.000.000	36.000.000	
Ông Trần Đức Giang	Thành viên BKS	Thù lao	36.000.000	36.000.000	
Thành viên chủ chốt khác					
Ông Phùng Sỹ Hữu	Kế toán trưởng	Lương thưởng	327.574.000	306.444.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền, tương đương tiền	23.600.836.498	-	44.606.029.566	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.000.000.000	-	4.100.000.000	-
Phải thu khách hàng	23.221.684.404	1.473.737.033	33.649.032.284	1.473.737.033
Trả trước người bán	1.354.716.074	-	4.230.821.513	-
Đầu tư tài chính dài hạn	17.489.225.000	-	17.489.225.000	-
Phải thu khác	19.659.148.087	523.716.686	23.230.476.380	523.716.686
Cộng	122.325.610.063	1.997.453.719	127.305.584.743	1.997.453.719

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	4.869.368.787	6.987.180.976
Chi phí phải trả	205.000.000	-
Các khoản phải trả khác	62.157.882.770	72.147.159.098
Cộng	67.232.251.557	79.134.340.074

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có bất kỳ tài sản nào được sử dụng để đảm bảo cho các khoản nợ và Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	58.045.548.831	9.186.702.726	67.232.251.557
Phải trả cho người bán	4.556.464.212	312.904.575	4.869.368.787
Chi phí phải trả	205.000.000	-	205.000.000
Các khoản phải trả khác	53.284.084.619	8.873.798.151	62.157.882.770
Số đầu năm	68.082.494.348	11.051.845.726	79.134.340.074
Phải trả cho người bán	6.674.276.401	312.904.575	6.987.180.976
Các khoản phải trả khác	61.408.217.947	10.738.941.151	72.147.159.098

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Thông tin về các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng

10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (nay là Công ty TNHH Kiểm toán NVA)

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Đoàn Thị Như Hoa

Kế toán trưởng



Phùng Sỹ Hữu



Giám đốc

Nguyễn Kiên Cường